



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: **1878** /QĐ - VPCNCLQG
ngày **09** tháng 07 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa xét nghiệm Huyết học, Trung tâm Huyết học - Truyền máu**
Medical Laboratory: Hematology Department, Hematology and Blood Transfusion Center

Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Trung ương Huế**
Organization: Hue Central Hospital

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Field of medical testing: Hematology

Người phụ trách/ **Phan Hoàng Duy**
Representative: Phan Hoang Duy

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 154**

Hiệu lực/ Validation: từ ngày **09** /7/2025 đến ngày 21/7/2030

Địa chỉ/ Address: **16 Lê Lợi, phường Thuận Hóa, Thành phố Huế/No 16 Le Loi, Thuan Hoa Ward, Hue City**

Địa điểm/Location: **Tầng 3, khu ODA, Bệnh viện Trung ương Huế, 16 Lê Lợi, phường Thuận Hóa, Thành phố Huế/ 3rd Floor, ODA Building, Hue Central Hospital, No 16 Le Loi, Thuan Hoa Ward, Hue City**

Điện thoại/ Tel: **0779415176**

Email: **bshoangduy@yahoo.com**

Website: **www.benhvientwhue.com.vn**



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 154

Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học

Discipline of medical testing: Hematology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm (Principle/ Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
1.	Máu toàn phần (EDTA) Whole Blood (EDTA)	Đếm số lượng Bạch cầu <i>White blood cell count (WBC)</i>	Đo quang <i>Optical method</i>	QTXN.HH/XNTQ.06 (2025) (DxH 900-3: 1,2,3)
2.		Định lượng Huyết sắc tố <i>Determination of Hemoglobin (HBG)</i>		QTXN.HH/XNTQ.09 (2025) (DxH 900-3: 1,2,3)
3.		Đếm số lượng Hồng cầu <i>Red blood cell count (RBC)</i>	Trở kháng <i>Impedance</i>	QTXN.HH/XNTQ.07 (2025) (DxH 900-3: 1,2,3)
4.		Đếm số lượng Tiểu cầu <i>Platelet count (PLT)</i>		QTXN.HH/XNTQ.10 (2025) (DxH 900-3: 1,2,3)
5.		Xác định thể tích trung bình hồng cầu (MCV) <i>Determination of Mean Corpuscular Volume (MCV)</i>	Tính toán <i>Calculation</i>	QTXN.HH/XNTQ.09 (2025) (DxH 900-3: 1,2,3)
6.	Huyết tương (Citrate 3,2%) Plasma (Citrate 3.2%)	Xác định thời gian Prothrombin tính theo giây (PT) <i>Determination of Prothrombin time in second (PT)</i>	Đo quang <i>Optical method</i>	QTXN.HH/CMHK.07 (2025) (ACL TOP 750)
7.		Xác định thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần tính theo giây (APTT) <i>Determination of Activated partial thromboplastin time in second (APTT)</i>		QTXN.HH/CMHK.08 (2025) (ACL TOP 750)
8.		Định lượng Fibrinogen <i>Determination of Fibrinogen</i>		QTXN.HH/CMHK.09 (2025) (ACL TOP 750)

Ghi chú/ Note:

- QTXN.HH/.....: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa xét nghiệm Huyết học, Trung tâm Huyết học - Truyền máu, Bệnh viện Trung ương Huế cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Hematology Department, Hematology and Blood Transfusion Center, Hue Central Hospital that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*